

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2022

***Về việc tranh chấp ly hôn
và nuôi con khi ly hôn***

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Tuấn

Ông Huỳnh Quốc Khuyên

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 129/2022/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022, về việc: "***Tranh chấp ly hôn và nuôi con***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 122/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trương B B** – sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp Nh C, xã V, huyện H, tỉnh B.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Qu Kh** – sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp Ph H, xã Ph L, huyện Ph, tỉnh B.

Chị B và anh Kh vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh Kh sống chung năm 2008, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Ph cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, chị B không còn tình cảm vợ chồng với anh Kh, nên chị Trương B B yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Qu Kh.

- Về con: Chị Trương B B và anh Kh sống chung có 01 người con là Nguyễn V – sinh ngày 01 tháng 9 năm 2010, cháu V đang sống chung anh Kh. Vợ chồng không có con nuôi, không có con riêng. Chị B thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là đồng ý giao con chung tên Nguyễn V – sinh ngày 01 tháng 9 năm 2010 cho anh Kh nuôi khi ly hôn. Chị B không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị B xác định chị và anh Kh không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị B xác định chị và anh Kh không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Lời trình bày của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn:*

- Về hôn nhân: Anh Kh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị B.

- Về con: Anh Kh đồng ý nuôi con chung là Nguyễn V, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2010, anh Kh không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ: Anh Kh xác định anh và chị B không có tài sản chung, cũng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát chưa đúng quy định; Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn Kh chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Cho chị B ly hôn anh Kh;

+ Về con: Giao cháu Nguyễn V – sinh ngày 01 tháng 9 năm 2010 cho anh Kh trực tiếp nuôi.

+ Tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết;

+ Chị B phải chịu án phí 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khi chị B yêu cầu ly hôn anh Kh, anh Kh có nơi cư trú tại xã X, huyện Phước Long; Nên Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị B và anh Kh có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị B và anh Kh là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

- Chị B và anh Kh sống chung như vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Do đời sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, nên chị B yêu cầu được ly hôn anh K.

- Anh Kh vắng mặt tại phiên hòa giải. Trước thời điểm mở phiên tòa, anh Kh đã đến Tòa án trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu của chị B. Tuy anh Kh đồng ý ly hôn chị B, nhưng do tại phiên tòa các đương sự đều xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B, cho chị B được ly hôn anh Kh.

[4] Về con chung:

- Về quyền trực tiếp nuôi con: Chị B và anh Kh có 01 con chung là cháu Nguyễn V – sinh ngày 01 tháng 9 năm 2010. Cháu V đang sống chung anh Kh, chị B tự nguyện giao con cho anh Kh nuôi, anh Kh đồng ý nuôi con chung, cháu V cũng có nguyện vọng được sống chung anh Kh, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu V cho anh Kh trực tiếp nuôi. Chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Kh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị B và anh Kh xác định anh, chị không có tài sản chung, không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp như Hội đồng xét xử phân tích nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm:

- Buộc chị B chịu án phí số tiền 300.000đ, chị B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ, chuyển sang thu án phí.

- Anh Kh không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 244, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị B được ly hôn anh Kh.

2. Về con chung:

- Về quyền trực tiếp nuôi con: Giao con chung của chị B và anh Kh là cháu V – sinh ngày 01 tháng 9 năm 2010 cho anh Kh trực tiếp nuôi. Chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Kh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Buộc chị B phải chịu án phí số tiền 300.000đ, chị B đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0005128 ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long số tiền 300.000đ, chuyển thu án phí số tiền 300.000đ.

- Anh Kh không phải chịu án phí.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký

Phan Thị Đặng